

ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỘI NHẬP BẢN SẮC XÃ HỘI CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TẠI BA LAN

Nguyễn Hữu An*, Lê Duy Mai Phương, Nguyễn Thị Anh Đào, Nguyễn Tư Hậu

Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

* Email: nguyenuuan@hueuni.edu.vn

Ngày nhận bài: 4/12/2023; ngày hoàn thành phản biện: 26/12/2023; ngày duyệt đăng: 10/6/2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu hội nhập bản sắc xã hội dưới sự ảnh hưởng của vốn xã hội của người Việt Nam nhập cư tại Ba Lan. Dữ liệu định lượng thu thập từ một khảo sát gồm 347 người Việt Nam tại đất nước sở tại được dùng để phân tích thông qua sử dụng thống kê mô tả, kiểm định Chi-square, và hồi quy logit thứ bậc. Kết quả cho thấy hội nhập bản sắc xã hội được thể hiện rõ ở chiều cạnh gắn bó với xã hội sở tại nhưng khá mờ nhạt ở chiều cạnh nhận diện bản thân mang bản sắc xã hội nơi đến. Sự hội nhập này diễn ra ở mức độ cao hơn đối với những cá nhân thuộc nhóm lớn tuổi và cá nhân thuộc thế hệ 1.5 và thứ hai của người Việt Nam nhập cư. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò thúc đẩy của vốn xã hội co cụm và bắc cầu từ mạng lưới xã hội chính thức và phi chính thức trong hội nhập bản sắc xã hội của người Việt Nam tại Ba Lan.

Từ khóa: Hội nhập bản sắc xã hội, vốn xã hội co cụm, vốn xã hội bắc cầu, người Việt Nam tại Ba Lan.

1. MỞ ĐẦU

Sự hình thành cộng đồng người Việt Nam (từ đây gọi là người Việt) nhập cư ở Ba Lan gắn liền với những dòng di cư sinh viên Việt Nam đầu tiên được Nhà nước cử đi học tập tại đất nước này vào những năm 50 của thế kỷ XX. Kể từ đó đến nay sau hơn bảy thập niên, dòng di cư người Việt sang Ba Lan tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, trong đó bộ phận người Việt sang đất nước này vì mục đích kinh tế chiếm đa số [10]. Hiện tại, người Việt là một trong những cộng đồng lớn nhất trong số các nhóm nhập cư ngoài châu Âu tại Ba Lan.

Với sự khác biệt lớn về văn hóa và xã hội, sự thích ứng người Việt ở đất nước sở tại được đặc biệt quan tâm trong các nghiên cứu học thuật, đặc biệt là vấn đề liên quan đến hội nhập xã hội [1][5]. Các nghiên cứu này nhấn mạnh đến chiều cạnh cấu

trúc của sự hội nhập (structural integration) thông qua tìm hiểu và đánh giá mức độ về việc tiếp cận các quyền (sở hữu quốc tịch) cũng như chiếm giữ vị trí trong các thiết chế xã hội ở đất nước sở tại như kinh tế và thị trường lao động, hệ thống giáo dục và bằng cấp, hệ thống nhà ở và phúc lợi xã hội [2][5]. Mặc dù vậy, phân tích hội nhập xã hội dựa trên chiều cạnh cấu trúc đưa đến những hạn chế. Cụ thể, cách tiếp cận này không giải thích được thực tế những trường hợp các nhóm nhập cư với trình độ học vấn cao, kiến thức tốt về ngôn ngữ bản địa, việc làm và thu nhập ổn định nhưng có xu hướng sống tách rời với xã hội nơi đến, đề cao những mối quan hệ mang tính gắn bó với những người cùng quê hương, và dự định trở về nước sau một thời gian ngắn di cư. Bên cạnh đó, các nghiên cứu này chưa đặt vốn xã hội vào trung tâm phân tích của sự hội nhập, dẫn đến những thiếu hụt trong việc nhận thức về bản chất của sự hội nhập của người Việt tại đất nước này, trong khi, vốn xã hội là một khái niệm chủ đạo trong khoa học xã hội, được ứng dụng rộng rãi trong nghiên cứu về lĩnh vực di cư để giải thích động cơ di cư, sự tham gia và hội nhập của người nhập cư ở nước sở tại.

Để bổ sung những khoảng trống nhận thức về sự hội nhập xã hội của người Việt tại Ba Lan chưa được đề cập ở những nghiên cứu trước, nghiên cứu này được thực hiện với hai mục tiêu sau. Thứ nhất, nghiên cứu này tìm hiểu chiều cạnh bản sắc trong hội nhập xã hội của người Việt tại Ba Lan. Thứ hai, nghiên cứu này xác định và đánh giá vai trò của vốn xã hội đối với sự hội nhập xã hội của người Việt tại Ba Lan. Phân tích hội nhập bản sắc xã hội giúp giải quyết những hạn chế trong tiếp cận về chiều cạnh cấu trúc thông qua đánh giá cảm nhận mang tính chủ quan về mức độ gắn bó với đất nước sở tại và mức độ nhận diện bản thân mang bản sắc xã hội nơi đến [4]. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu vai trò của vốn xã hội đến sự hội nhập giúp xác định và làm rõ những loại hình vốn xã hội cản trở hay thúc đẩy sự hội nhập xã hội của người Việt tại Ba Lan.

2. LÝ THUYẾT

Thuật ngữ “hội nhập” đề cập đến quá trình định cư của những người mới đến trong một xã hội nhất định, sự tương tác của những người mới đến này với xã hội nơi đến, và sự thay đổi xã hội kéo theo sự nhập cư [8]. Là một trong những chiều cạnh của hội nhập xã hội, hội nhập bản sắc xã hội nói đến sự gắn bó, những cảm nhận thuộc về, và sự nhận diện với những nhóm cụ thể, được xác định theo tôn giáo, dân tộc, chủng tộc, hoặc quốc gia, hoặc có thể là sự kết hợp của tất cả những khía cạnh này [4]. Nghiên cứu này hướng đến phân tích hội nhập bản sắc xã hội của người Việt tại Ba Lan thông qua đánh giá mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan và mức độ nhận diện bản thân mang bản sắc xã hội Ba Lan hoặc như một người Ba Lan.

Trong lĩnh vực nghiên cứu về di cư, sự ảnh hưởng của vốn xã hội đối với sự hội nhập của các nhóm dân nhập cư được phân tích trên cơ sở đánh giá vai trò mạng lưới

xã hội trong quá trình định cư của họ tại đất nước nơi đến. Nhiều kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, mạng lưới xã với những người cùng quê hương đóng vai trò then chốt đối với sự thích nghi của những người nhập cư trong thời gian đầu định cư [10]. Tuy nhiên, những mối quan hệ đồng hương này có xu hướng tạo ra mạng lưới riêng của những người nhập cư, biệt lập trong mối liên hệ với các nhóm dân tộc khác hay người bản địa, ngăn cản sự kết nối, tương tác ngoại nhóm. Do đó, loại hình mạng lưới này sinh ra vốn xã hội co cụm/gắn bó, không tạo ra nguồn lực có lợi cho sự hội nhập ở đất nước sở tại liên quan đến kỹ năng ngôn ngữ, kiến thức về văn hóa và xã hội tại nơi đến về lâu dài [9]. Khác với vốn xã hội co cụm, những mối quan hệ xã hội vượt ra khỏi giới hạn “cùng quê hương” được cho là tạo ra những nguồn vốn xã hội giúp người nhập cư hòa nhập tốt hơn với xã hội nơi đến. Các học giả gọi đây là vốn xã hội bắc cầu, dùng để chỉ mạng lưới xã hội được hình thành dựa trên những kết nối với những cá nhân hoặc nhóm đến từ những dân tộc nhập cư khác hay với những người bản địa [9]. Những mối quan hệ này giúp những người nhập cư nhận nhiều hơn những nguồn lực như kỹ năng về ngôn ngữ, kiến thức về văn hóa và đất nước nơi đến, các nguồn thông tin liên quan về xã hội nơi đến, giúp người nhập cư có nhiều lựa chọn, cơ hội hơn về tiếp cận thị trường lao động, cần thiết cho hội nhập xã hội [6].

Dựa vào thảo luận lý thuyết trên, nghiên cứu này cho rằng, sự hội nhập bản sắc xã hội của người Việt tại Ba Lan có mối liên hệ với vốn xã hội. Có thể lập luận rằng, vốn xã hội bắc cầu đóng vai trò thúc đẩy sự hội nhập bản sắc xã hội của người Việt tại Ba Lan, trong khi đó, vốn xã hội co cụm cản trở sự hội nhập xã hội. Do đó, nghiên cứu này tập trung tìm hiểu ảnh hưởng của hai loại hình vốn xã hội co cụm và bắc cầu, đến sự hội nhập bản sắc xã hội của người Việt. Hai loại hình vốn xã hội này được phân tích dựa trên các mạng lưới xã hội mà người Việt tham gia vào, mạng lưới xã hội chính thức – sự tham gia vào các hội/nhóm tự nguyện và mạng lưới xã hội phi chính thức – những tiếp xúc xã hội hàng ngày bên ngoài các hội/nhóm có tính tổ chức.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Dữ liệu và biến số

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu định lượng từ nghiên cứu “Hội nhập chính trị của Người Việt tại Ba Lan”, thực hiện từ năm 2018 đến năm 2022 tại Ba Lan. Dữ liệu này được thu thập thông qua một khảo sát với sự tham gia của 347 người Việt, được thực hiện tại Thủ đô Vác-Sa-Va và khu vực lân cận. Khảo sát sử dụng các chiến lược lấy mẫu khác nhau để tiếp cận các nhóm đối tượng chính của cộng đồng người Việt trong xã hội Ba Lan, bao gồm nhóm sinh viên và các nhà nghiên cứu, giảng viên người Việt, nhóm chủ kinh doanh, và nhóm thực hiện các công việc làm thuê [10]. Nhóm chủ doanh nghiệp và những người làm thuê được lựa chọn và phỏng vấn trực tiếp bằng kỹ thuật “chọn mẫu trung tâm” và kỹ thuật “bước đi ngẫu nhiên”. Trong khi đó, nhóm

sinh viên, giảng viên và nhà nghiên cứu giảng được tiếp cận khảo sát trực tuyến thông qua áp dụng kỹ thuật lấy mẫu ngẫu nhiên đơn giản. Theo đó, người trả lời đại diện cho các nhóm này được chọn từ khung lấy mẫu được tạo bằng cách kết hợp danh sách email tham gia Hội thảo Sinh viên Việt Nam tại Ba Lan lần thứ 4 năm 2019 với danh sách Facebook địa chỉ của các thành viên trong nhóm Facebook của sinh viên Việt Nam tại Ba Lan.

Khảo sát sử dụng công cụ nghiên cứu là bảng hỏi chứa đựng các câu hỏi thập thông tin cho các biến số đo lường hội nhập bản sắc xã hội, vốn xã hội, và các biến số liên quan đến thông tin về nhân khẩu học của người trả lời. Hội nhập bản sắc xã hội được đo lường thông qua hai biến số: (1) mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan và (2) nhận diện bản thân như một người Ba Lan. Vốn xã hội được đo lường dưới chiều cạnh mạng lưới xã hội chính thức và phi chính thức. Ở nghiên cứu này, mạng lưới xã hội chính thức liên quan đến sự tham gia của người Việt vào 3 loại hình hội/nhóm: (1) hội đồng hương¹, (2) hội nhóm có từ 50% người Việt tham gia trở lên, (3) hội/nhóm có dưới 50% người Việt tham gia². Hai loại hình hội/nhóm đầu tiên thể hiện vốn xã hội co cụm của người Việt, trong đó sự khác nhau cơ bản giữa hai loại hình này ở chỗ, hội đồng hương bao gồm các thành viên hoàn toàn là người Việt, trong khi đó, hội/nhóm có từ 50% người Việt tham gia trở lên ngoài việc bao gồm đa số là người Việt, còn có tỷ lệ thiểu số các thành viên không phải là người Việt. Như vậy, tính chất co cụm của hội nhóm đồng hương mạnh hơn so với các hội nhóm có đa số là người Việt. Loại hình hội/nhóm thứ 3 – có ít hơn 50% người Việt tham gia – thể hiện vốn xã hội bắc cầu, loại hình này đặc trưng bởi sự tương tác ngoại nhóm với đa số thành viên không phải là người Việt. Nghiên cứu này đo lường mạng xã hội phi chính thức là những giao tiếp xã hội hằng ngày thông qua biến số “tỷ lệ người Việt tiếp xúc hằng ngày”. Mạng lưới xã hội phi chính thức đặc trưng cho vốn xã hội co cụm khi cá nhân tiếp xúc hằng ngày với đa số là người Việt, ngược lại, cá nhân tích lũy vốn xã hội bắc cầu trong mạng lưới xã hội phi chính thức khi những mối quan hệ tiếp xúc hằng ngày đa số không phải là người Việt. Các thông tin về nhân khẩu học sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm các biến số giới tính, tuổi, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân, thể hệ nhập cư, mức độ thành thạo tiếng Ba Lan, và số năm sống ở Ba Lan. Thông tin về đo lường các biến số sử dụng cho nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 1 dưới đây.

¹ Trong khảo sát, người trả lời được hỏi có tham gia các hoạt động của hội đồng hương là những nhóm với các thành viên đến từ cùng một làng, huyện, tỉnh hoặc vùng trên quê hương Việt Nam.

² Trong khảo sát, người trả lời được hỏi về sự tham gia và ước tính tỷ lệ người Việt ở các nhóm đã tham gia từ một danh sách các hội nhóm mang tính tự nguyện như câu lạc bộ thể thao, tổ chức học thuật, hội văn hóa nghệ thuật, hội doanh nghiệp, tổ chức từ thiện, tổ chức bảo vệ môi trường, tổ chức chống phân biệt chủng tộc, hội thanh niên, hội phụ nữ hiệp hội...

Bảng 1. Thông tin về biến số và đo lường

Biến số	Đo lường	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Quan sát ³
Hội nhập bản sắc xã hội						
Mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan	Thang đo thứ bậc (1 đến 5) 1 – rất không mạnh mẽ; 5 – rất mạnh mẽ)	2.4	0.58	1	3	343
Nhận diện bản thân như một người Ba Lan	Thang đo thứ bậc (1 đến 4) 1 – hoàn toàn không đồng ý; 4 – hoàn toàn đồng ý	2.09	0.95	1	4	343
Vốn xã hội – Mạng lưới xã hội chính thức						
Thành viên của các hội đồng hương	Thang đo nhị phân 1 – có; 0 – không	0.42	0.5	0	1	328
Số lượng hội nhóm tham gia có ít hơn 50% người Việt	Thang đo tỷ lệ (biến dạng đếm)	1.37	2.74	0	17	330
Số lượng hội nhóm tham gia có 50% người Việt trở lên	Thang đo tỷ lệ (biến dạng đếm)	1.02	1.81	0	16	330
Vốn xã hội – Mạng lưới xã hội phi chính thức						
Tỷ lệ người Việt tiếp xúc hằng ngày	Thang đo thứ bậc (1 đến 5) 1 – toàn bộ không phải là người Việt; 5 – toàn bộ là người Việt)	2.43	1.24	1	5	343
Thông tin nhân khẩu học						
Giới	Thang đo nhị phân 1 – nam; 0 – nữ	0.54	0.5	0	1	332
Tuổi	Thang đo tỷ lệ	34.48	11.14	17	73	338
Trình độ học vấn	Thang đo nhiều điểm chuẩn hóa (0 đến 1) 0 – thấp nhất 1 – cao nhất	0.75	0.24	0	1	344
Tình trạng hôn nhân	Thang đo nhị phân 1 – đã kết hôn; 0 – khác	0.59	0.49	0	1	347
Thế hệ nhập cư	Thang đo nhị phân 1 – thế hệ thứ nhất; 0 – thế hệ 1.5 và thứ 2	0.89	0.31	0	1	347
Mức độ thành thạo tiếng Ba Lan	Thang đo thứ bậc (1 đến 5) 1 – không sử dụng được tiếng Ba lan; 5 – sử dụng tiếng Ba Lan như ngôn ngữ mẹ đẻ	2.58	0.97	1	5	347

³ Tổng số quan sát của một số biến số nhỏ hơn 347 (dung lượng mẫu) do một tỷ lệ nhỏ người trả lời từ chối trả lời câu hỏi đo lường các biến số ngày.

3.2. Chiến lược phân tích dữ liệu

Để mô tả và phân tích hội nhập bản sắc của người Việt nhập cư tại Ba Lan, phân tích đơn biến được sử dụng với thống kê mô tả tần suất do hai biến số đo lường hội nhập xã hội, (1) mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan và (2) nhận diện bản thân như một người Ba Lan. Bên cạnh đó, hội nhập xã hội được phân tích so sánh dưới các chiều cạnh giới tính, độ tuổi, và thể hệ nhập cư. Trong phân tích so sánh này, kiểm định Chi-square cùng với các hệ số Cramer's V và Gamma được sử dụng [3]. Ngoài ra, nghiên cứu này sử dụng hồi quy logit thứ bậc (ordered logit regression) để đánh giá ảnh hưởng của vốn xã hội đến sự hội nhập bản sắc xã hội. Nghiên cứu này xây dựng hai mô hình hồi quy logit thứ bậc do các biến số phụ thuộc là (1) mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan và (2) nhận diện bản thân như một người Ba Lan, được đo lường ở thang đo thứ bậc [7]. Hai mô hình hồi quy logit thứ bậc được xây dựng để đánh giá ảnh hưởng của các biến số vốn xã hội đến mỗi biến số về hội nhập bản sắc xã hội. Các biến số độc lập chính trong hai mô hình này là các biến số đo lường mạng lưới xã hội chính thức và phi chính thức. Bên cạnh đó, nghiên cứu này còn kiểm soát sự ảnh hưởng có thể có của các biến số về nhân khẩu học bằng cách đưa các biến số này vào các mô hình hồi quy logit thứ bậc.

4. KẾT QUẢ

4.1. Hội nhập bản sắc xã hội của người Việt nhập cư tại Ba Lan

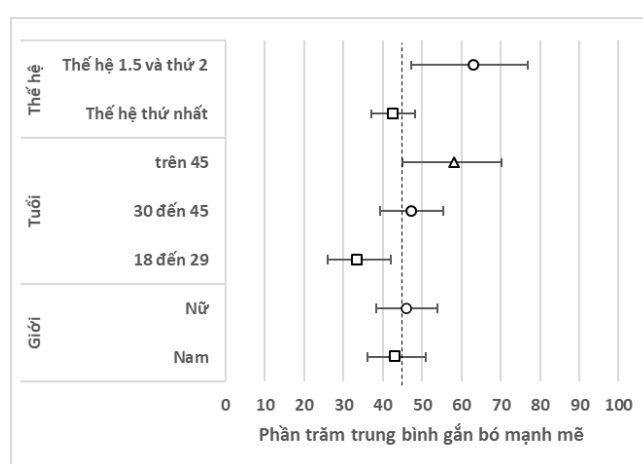
Hội nhập bản sắc xã hội của người Việt nhập cư tại Ba Lan được phân tích qua các chỉ số cảm nhận gắn bó với xã hội Ba Lan và mức độ nhận diện bản thân như là người Ba Lan. Bảng 2 thể hiện mức độ cảm nhận chủ quan về sự gắn bó với xã hội nơi đến. Kết quả cho thấy 50,1% chọn phương án “bình thường”, đồng nghĩa với việc một nửa số người được khảo sát không có cảm nhận rõ ràng về mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan. Tuy vậy, kết quả phân tích dữ liệu thể hiện một tỷ lệ không nhỏ, khoảng gần 45%, thể hiện cảm nhận gắn bó với đất nước sở tại. Trong đó 16,6% số người được hỏi cho biết có sự gắn bó rất mạnh mẽ và 28,3% thể hiện sự gắn bó mạnh mẽ. Một tỷ lệ rất nhỏ tương ứng với 5% người trả lời không có cảm giác gắn bó mạnh mẽ với xã hội nơi đến.

Bảng 2. Cảm nhận gắn bó với xã hội Ba Lan của người trả lời

Mức độ cảm nhận	Phần trăm
Rất mạnh mẽ	16.6
Mạnh mẽ	28.3
Bình thường	50.1
Không mạnh mẽ	3.8
Rất không mạnh mẽ	1.2
Tổng	100.00

Số lượng trả lời	343
Không trả lời	4
Tổng dung lượng mẫu	347

Biểu đồ 1 dưới đây biểu diễn mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan theo giới tính, độ tuổi và thế hệ nhập cư. Kết quả cho thấy, sự khác biệt về cảm nhận gắn bó với đất nước sở tại giữa nam và nữ không có ý nghĩa thống kê ($p=0,33$). Đối với độ tuổi, kết quả kiểm định Chi-square cho thấy mức độ gắn bó mạnh mẽ cao hơn ở những người lớn tuổi so với nhóm trẻ tuổi ($p=0,004$, Gamma = 0,32). Ngoài ra, thế hệ 1.5 và thế hệ thứ 2 có mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan cao hơn rất nhiều với thế hệ người Việt thứ nhất ($p = 0,03$, Cramer's V = 0,14).



Biểu đồ 1: Cảm nhận gắn bó với xã hội Ba Lan theo giới, tuổi và thế hệ nhập cư

Lưu ý: Dấu chấm tròn/hình vuông/hình tam giác biểu thị giá trị trung bình và các đoạn đánh dấu thể hiện khoảng tin cậy 95% của giá trị trung bình. Đường chấm đứt nét biểu thị giá trị trung bình mẫu. $\chi^2(2) = 2.19$, $p = 0.33$, Cramer's V = 0.08 (giới); $\chi^2(4) = 15.55$, $p = 0.004$, Gamma = 0.32 (tuổi); $\chi^2(2) = 6.8$, $p = 0.03$, Cramer's V = 0.14 (thế hệ nhập cư).

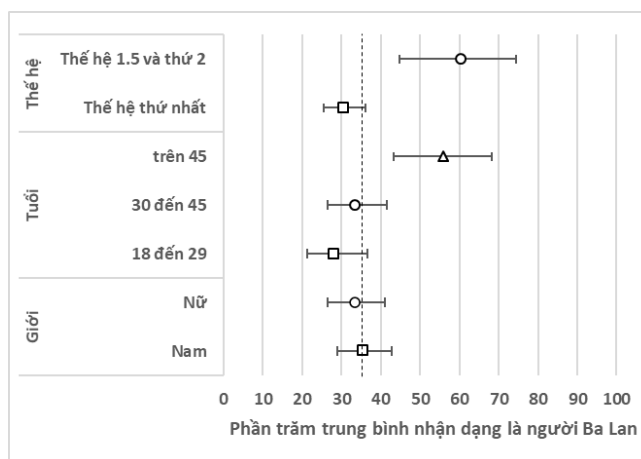
Bảng 3 thể hiện kết quả liên quan đến chỉ số mức độ nhận diện bản thân như một người Ba Lan. Đa số người trả lời (63.6%) không nhận diện bản thân mình như một người Ba Lan, trong đó 28.9% người trả lời không đồng ý, và 34.7% hoàn toàn không đồng ý. Trong số 36.4% còn lại, có 29.7% người trả lời với mức độ khá đồng ý với nhận định có cảm nhận bản sắc cá nhân như là một người Ba Lan, trong khi đó chỉ có 6.7% là hoàn toàn đồng ý. Như vậy, kết quả này phản ánh đa số người Việt tham gia khảo sát nhận diện bản sắc cá nhân không phải là một người Ba Lan.

Bảng 3. Nhận diện bản thân của người trả lời như là người Ba Lan

Mức độ đồng ý	Phần trăm
Hoàn toàn đồng ý	6.7
Khá đồng ý	29.7
Không đồng ý	28.9
Hoàn toàn không đồng ý	34.7

Tổng	100.00
Số lượng trả lời	343
Không trả lời	4
Tổng dung lượng mẫu	347

Biểu đồ 2 thể hiện sự khác biệt về nhận diện bản thân như một người Ba Lan theo giới, độ tuổi, và thế hệ nhập cư. Tương tự với mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan, sự phân tán về nhận diện bản thân như một người bản địa được kiểm có ý nghĩa thống kê theo độ tuổi ($p = 0.006$, Gamma = 0.23) và thế hệ nhập cư ($p = 0.003$, Cramer's V = 0.21), trong khi đó, sự khác biệt giữa nam và nữ không có ý nghĩa về mặt thống kê ($p = 0.72$). Theo đó, những người trả lời ở độ tuổi cao hơn và những cá nhân thuộc nhóm thế hệ nhập cư 1.5 và thứ 2 là những nhóm có cảm nhận mạnh mẽ bản thân mang bản sắc xã hội nơi đến.



Biểu đồ 2: Nhận dạng bản thân như là người Ba Lan theo giới, tuổi, và thế hệ

Lưu ý: Dấu chấm tròn/hình vuông/hình tam giác biểu thị giá trị trung bình và các đoạn đánh dấu thể hiện khoảng tin cậy 95% của giá trị trung bình. Đường chấm đứt nét biểu thị giá trị trung bình mẫu. $\chi^2(3) = 1.29$, $p = 0.72$, Cramer's V = 0.06 (giới); $\chi^2(6) = 17.95$, $p = 0.006$, Gamma = 0.23 (tuổi); $\chi^2(3) = 13.7$, $p = 0.003$, Cramer's V = 0.21 (thế hệ nhập cư).

Như vậy, thông qua phân tích các chiều cạnh của hội nhập bản sắc xã hội có thể thấy rằng, hội nhập bản sắc xã hội của người Việt tại Ba Lan khá phức tạp và tùy thuộc vào các chiều cạnh của sự hội nhập. Đối với người Việt, cảm nhận gắn bó với đất nước sở tại được thể hiện rõ trong nghiên cứu dù ở những mức độ khác nhau. Trong khi đó, cảm nhận bản thân mang bản sắc của xã hội nơi đến không phổ biến ở những người tham gia khảo sát. Kết quả cũng cho thấy rằng, những người lớn tuổi và cá nhân thuộc thế hệ 1.5 và thế hệ thứ hai thể hiện mức độ gắn bó và nhận diện bản sắc xã hội nơi đến cao hơn so với các nhóm còn lại. Kết quả này không có gì ngạc nhiên vì những người Việt nhập cư lớn tuổi có thể có nhiều thời gian, trải nghiệm và kết nối xã hội với xã hội sở tại hơn so với những người ở nhóm trẻ tuổi hơn, qua đó họ có thể phát triển ý thức

gắn bó cao hơn với xã hội Ba Lan so với nhóm trẻ. Tương tự, đối với các thế hệ nhập cư, với thế hệ 1.5 và thế hệ thứ 2, đây là nhóm được sinh ra hoặc di cư đến Ba Lan từ khi còn trẻ thơ, do đó, sự cảm nhận thân thuộc với đất nước Ba Lan và mức độ nhận diện bản sắc cá nhân như là một người bản địa phổ biến ở nhóm này là điều dễ hiểu. Trong khi đó, đối với thế hệ thứ nhất, việc được sinh ra và trải qua xã hội hóa đến giai đoạn trưởng thành chủ yếu ở Việt Nam dẫn đến sự gắn bó mạnh mẽ với quê hương và hình thành bản sắc cá nhân là một người Việt, hội nhập bản sắc xã hội ở nhóm này sẽ có những hạn chế và rào cản nhất định so với người Việt nhập cư thế hệ 1.5 và thế hệ thứ hai.

4.2. Ảnh hưởng vốn xã hội đối với hội nhập bản sắc xã hội của người Việt tại Ba Lan

Bảng 4 thể hiện kết quả của hai mô hình hồi quy logit thứ bậc về đánh giá ảnh hưởng của các biến số vốn xã hội đến các chỉ số về hội nhập xã hội trong khi kiểm soát sự ảnh hưởng của các biến số nhân khẩu học. Số quan sát đủ điều kiện cho phân tích các biến số ở mỗi mô hình hồi quy là 301 trong tổng số mẫu 347 người được khảo sát. Chỉ số cực đại của Log likelihood và hệ số Prob > chi² có ý nghĩa thống kê cao ($p=0.0000$) cho phép bác bỏ giả thuyết vô hiệu (null hypothesis) rằng tất cả các hệ số hồi quy trong mô hình đều bằng 0, và đưa đến kết luận ít nhất một trong các hệ số hồi quy trong mô hình không bằng 0. Điều này chứng minh các biến số được sử dụng trong mô hình hồi quy là phù hợp. Hệ số McFadden R² ở hai mô hình cho biết các biến số độc lập lần lượt giải thích được 11% sự biến thiên biến số sự nhận diện bản thân như người Ba Lan và 17% sự biến thiên của biến số mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan.

Bảng 4. Ảnh hưởng của vốn xã hội đến hội nhập bản sắc xã hội: Hồi quy logit thứ bậc

Biến độc lập	Nhận diện bản thân như người Ba Lan (Mô hình 1)	Mức độ gắn bó với xã hội Ba Lan (Mô hình 2)
Biến số đo lường vốn xã hội: Mạng lưới chính thức		
Là thành viên các hội đồng hương	0.41 (0.25)	0.04 (0.29)
Số lượng hội nhóm tham gia có 50% người Việt trở lên	0.06 (0.06)	0.26** (0.09)
Số lượng hội nhóm tham gia ít hơn 50% người Việt	0.11** (0.04)	0.06 (0.05)
Biến số đo lường vốn xã hội: Mạng lưới phi chính thức		
Tỷ lệ người Việt tiếp xúc hàng ngày	0.23** (0.09)	0.01 (0.10)
Biến số nhân khẩu học		
Giới (tham chiếu: Nam)	0.05 (0.23)	-0.34 (0.26)
Tuổi	-0.01 (0.02)	0.003 (0.02)
Trình độ học vấn	1.40**	-0.36

	(0.53)	(0.59)
Tình trạng hôn nhân (tham chiếu: kết hôn)	0.36 (0.28)	1.20*** (0.33)
Mức độ thành thạo tiếng Ba Lan	0.36* (0.15)	0.78*** (0.18)
Thể hệ nhập cư	-0.02 (0.46)	-0.35 (0.55)
Số năm sống ở Ba Lan	0.06** (0.02)	0.03 (0.03)
/cut1	2.866*** (0.813)	-0.775 (0.939)
/cut2	4.388*** (0.838)	3.064*** (0.948)
/cut3	6.959*** (0.897)	
Số quan sát	301	301
Log likelihood	-330.83772	-215.63476
Prob > chi2	0.0000	0.0000
Hệ số McFadden R2	0.11	0.17

*** $p < 0.001$, ** $p < 0.01$, * $p < 0.05$ (kiểm định hai chiều).

Lưu ý: Các đại lượng chính là hệ số hồi quy không chuẩn hóa và các đại lượng trong ngoặc đơn là sai số chuẩn.

Kết quả ở Mô hình 1 chỉ ra rằng, đối với mạng lưới xã hội chính thức, sự nhận diện bản thân như người Ba Lan chịu sự tác động việc tham gia vào các hội nhóm ít hơn 50% người Việt ($p < 0.01$), trong khi không chịu sự ảnh hưởng của việc tham gia vào hội đồng hương và các hội nhóm từ 50% người Việt trở lên. Đây là tác động cùng chiều của tính thành viên trong hội nhóm ít hơn 50% người Việt đối với nhận diện bản thân mang bản sắc là người Ba Lan. Điều này có nghĩa rằng, vốn xã hội bắc cầu có vai trò tích cực trong việc thúc đẩy người Việt tiếp thu và nhận diện phù hợp với bản sắc văn hóa bản địa. Vai trò này không xảy ra đối với vốn co cụm như được chứng minh ở kết quả Mô hình 1. Liên quan đến mạng lưới xã hội phi chính thức, đáng ngạc nhiên khi kết quả cho thấy cá nhân tiếp xúc hằng ngày với nhiều người Việt (biểu thị vốn xã hội co cụm) có mức độ nhận diện cao với bản sắc xã hội nơi đến ($p < 0.01$). Phát hiện này trái với quan điểm thông thường cho rằng vốn xã hội co cụm với những tương tác nội nhóm thường hạn chế cá nhân có sự cởi mở với xã hội nơi đến. Kết quả này có thể được giải thích như sau, đối với người Việt nhập cư, vốn xã hội co cụm không những không phải là rào cản cho việc tạo ra những cảm nhận mang tính thuộc về xã hội nơi đến, mà còn là nơi hỗ trợ tốt cho việc tiếp nhận thông tin và chấp nhận các giá trị và chuẩn mực văn hóa của xã hội Ba Lan nhờ sự gần gũi mặt tâm lý, ngôn ngữ từ những quan hệ và tương tác hằng ngày với người Việt.

Khác với Mô hình 1, kết quả ở Mô hình 2 cho thấy chỉ có vốn xã hội tạo thành từ mạng lưới chính thức ảnh hưởng đến sự gắn bó của người Việt nhập cư với xã hội Ba Lan. Cụ thể, vốn xã hội co cụm sinh ra từ việc tham gia vào các hội nhóm có ít hơn 50% người Việt là nhân tố ảnh hưởng tích cực đến sự gắn bó với xã hội nơi đến ($p < 0.01$). Kết quả này cũng trái ngược với những giả định đã được bàn luận ở phần lý thuyết với lập luận vốn xã hội co cụm cản trở sự gắn bó xã hội của người Việt nhập cư ở Ba Lan. Tuy nhiên, nếu xét về cơ chế hình thành vốn xã hội co cụm ở loại hình hội nhóm này có thể thấy rằng, việc tham gia vào các hội nhóm có tính tự nguyện với đa số người Việt giúp cá nhân dễ dàng hơn trong việc thu nhận được những thông tin hữu ích về nước sở tại thông qua sự gần gũi về tâm lý, văn hóa, đặc biệt là ngôn ngữ. Bên cạnh đó, thông qua các mạng lưới xã hội trong các hội nhóm này, cá nhân cảm nhận được sự kết nối và hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống thường ngày, điều này thúc đẩy cảm nhận gắn bó. Như vậy, chính vốn co cụm từ việc tham gia vào các hội nhóm tự nguyện đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự gắn bó của người Việt nhập cư với xã hội Ba Lan.

Kết quả từ hai mô hình hồi quy cũng cho thấy rằng, sự hội nhập bản sắc xã hội của người Việt nhập cư tại Ba Lan được thúc đẩy bởi các yếu tố nhân khẩu học. Yếu tố về trình độ học vấn, sự thành thạo tiếng Ba Lan, và thời gian sống và trải nghiệm tại đất nước này ảnh hưởng tích cực đến sự nhận diện tích cực với bản sắc xã hội nơi đến. Trong khi đó, sự gắn bó với xã hội Ba Lan được thể hiện mức độ cao ở những người đã lập gia đình. Sự thành thạo tiếng Ba Lan cũng làm cho người Việt gắn bó hơn với xã hội mình đang sống.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này tập trung phân tích sự hội nhập bản sắc xã hội của người Việt tại Ba Lan, và tìm hiểu sự ảnh hưởng của vốn xã hội đối với sự hội nhập bản sắc xã hội của người Việt tại đất nước sở tại. Kết quả chỉ ra rằng, sự hội nhập bản sắc xã hội của người Việt được thể hiện ở mức độ khác nhau thông qua các chiều cạnh khác nhau của loại hình hội nhập này và có sự khác biệt theo độ tuổi và thế hệ nhập cư. Vốn xã hội đóng vai trò quan trọng trong hội nhập bản sắc xã hội của người Việt tại Ba Lan. Tuy nhiên, không như những lập luận mặt lý thuyết, kết quả phân tích cho thấy vốn xã hội bắc cầu và co cụm đều có những tác động tích cực cho sự hội nhập.

Kết quả có ý nghĩa quan trọng vào việc bổ sung vào sự hiểu biết về sự hội nhập bản sắc xã hội của người Việt nhập cư tại Ba Lan, đây là khía cạnh chưa được quan tâm ở các nghiên cứu trước. Bên cạnh đó, nghiên cứu này giúp làm sáng tỏ những hạn chế tồn tại ở các nghiên cứu trước tập trung vào tiếp cận về chiều cạnh cấu trúc trong hội nhập xã hội, làm sáng tỏ thêm ảnh hưởng của vốn xã hội trong việc thúc đẩy sự tham gia của người Việt vào các lĩnh vực đời sống xã hội tại đất nước Ba Lan. Vai trò của vốn

xã hội đối với sự hội nhập trở thành gợi mở quan trọng cho những nghiên cứu tiếp theo về người Việt ở các nước khác thuộc Trung và Đông Âu, nơi có sự hiện diện của người Việt và bối cảnh xã hội tương tự Ba Lan. Kết quả nghiên cứu này đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp những bằng chứng thực nghiệm để xây dựng chính sách về hội nhập của người Việt nói riêng và của người nhập cư nói chung tại Ba Lan. Các chính sách này cần thúc đẩy đời sống hội nhóm và tăng cường sự tương tác giữa các nhóm người khác nhau tại đất nước sở tại để làm giàu vốn xã hội cho, thúc đẩy sự hội nhập của người nhập cư.

LỜI CẢM ƠN

Công trình được này tài trợ bởi Đại học Huế, thuộc đề tài nghiên cứu có mã số DHH2023-01-205.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Grabowska, Ewa, & Szymanska-Matusiewicz, G. (2022). *How an Immigrant Buddhist Institution Negotiates Belonging in Poland: The Case of Thiên Phúc Pagoda*. *Journal of Intercultural Studies*, 43(3).
- [2]. Grzymała-Kazłowska, A. (2015). *The role of different forms of bridging capital for immigrant adaptation and upward mobility. The case of Ukrainian and Vietnamese immigrants settled in Poland*. *Ethnicities*, 15(3), 460–490.
- [3]. Healey, J. f. (2015). *The Essentials of Statistics: A Tool for Social Research (Fourth)*. Cengage Learning.
- [4]. Heckmann, F. (2005). *Integration and integration policies: IMISCOE network feasibility study*. Bamberg: europäisches forum für migrationsstudien (efms) Institut an der Universität Bamberg.
- [5]. Klorek, N., & Szulecka, M. (2013). *Migrant economic institutions and their environmental influence: A case study of trade centers located in Wolka Kosowska*. Research Report. (Issue 3). <http://interwencjaprawna.pl/docs/ARE-313-Wolka-Kosowska-en.pdf>
- [6]. Lancee, B. (2012). *Immigrant Performance in the Labour Market: Bonding and bridging social capital*. Amsterdam University Press
- [7]. Long, J. S., & Freese, J. 2006. *Regression models for categorical dependent variables using Stata (Vol. 7)*. Stata press.
- [8]. Penninx, R. (2019). *Problems of and solutions for the study of immigrant integration*. *Comparative Migration Studies*, 7(1), 1–11.
- [9]. Putnam, R. D. (2000). *Bowling alone: The collapse and revival of American community*. Simon and Schuster.
- [10]. Szymańska-Matusiewicz, G. (2019). *Vietnamese in Poland: From Socialist Fraternity to the Global Capitalism Era*. Peter Lang.

**THE VIETNAMESE IN POLAND:
IDENTIFICATIONAL INTEGRATION AND SOCIAL CAPITAL**

Nguyen Huu An*, Le Duy Mai Phuong, Nguyen Thi Anh Dao, Nguyen Tu Hau

Faculty of Sociology and Social Work, University of Sciences, Hue University

* Email: nguyenhuuan@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

This study examines the identificational integration of the Vietnamese in Poland under the impact of social capital. It employs quantitative data collected from a survey of 347 Vietnamese respondents in Poland, analyzed by employing descriptive statistics with the use of the Chi-square test and ordinal logistic regression. The results indicate that the identificational integration of the Vietnamese are widely exposed in the dimension of attachment to the host society while narrowly in self-identification with the host society. In addition, the identificational integration is well perceived among the older individuals and the Vietnamese who are in 1.5 and 2nd migrant generation. The research also shows the facilitating role of bonding and bridging social capital accumulated from formal and informal social networks in the identificational integration of the Vietnamese in Poland.

Keywords: Identificational integration, migration, social capital, the Vietnamese in Poland.



Nguyễn Hữu An sinh ngày 20/01/1988 tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Năm 2010, ông tốt nghiệp Cử nhân Xã hội học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2016, ông tốt nghiệp Thạc sĩ Xã hội học tại Đại học Warsaw (Ba Lan). Sau đó, ông tiếp tục làm nghiên cứu sinh tại Đại học Warsaw từ năm 2018 và tốt nghiệp Tiến sĩ Xã hội học tại đây vào năm 2023. Hiện nay, ông đang công tác tại Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Vốn xã hội, di cư, sự tham gia công dân, xã hội học chính trị



Lê Duy Mai Phương sinh ngày 31/10/ 1989 tại Quảng Trị. Năm 2011, bà tốt nghiệp cử nhân Xã hội học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Bà theo học thạc sĩ Xã hội học tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và tốt nghiệp năm 2014. Từ 2011 đến nay, bà là giảng viên Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Di cư lao động, Chuyển dịch cơ cấu lao động, Xã hội học kinh tế.



Nguyễn Thị Anh Đào sinh ngày 14/11/1983 tại thành phố Huế. Bà tốt nghiệp ngành Ngữ Văn vào năm 2005 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2008, bà hoàn thành chương trình cử nhân Xã hội học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Bà tiếp tục trở thành học viên cao học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và tốt nghiệp thạc sĩ Xã hội học tại đây vào năm 2014. Hiện nay, bà đang công tác tại Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Xã hội học Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội, Xã hội học văn hóa, Xã hội học môi trường.



Nguyễn Tư Hậu sinh ngày 09/6/1984 tại Nghệ An. Bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Xã hội học tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh năm 2008, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Xã hội học năm 2014 tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội. Bà công tác tại khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Đại học Khoa học – Đại học Huế từ năm 2008 đến nay.

Lĩnh vực nghiên cứu: Xã hội học giáo dục, Kỹ năng mềm, Việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, di cư lao động.